

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-ST

Ngày: 18-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 768/2023/TLST-HS ngày 01/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 787/2023/QĐXXST-HS ngày 26/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án số 41/2024/HSST-QĐ ngày 12/01/2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi thường trú: thôn D, xã P, huyện T, Thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú hiện nay: thôn D, xã P, huyện T, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế S, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị P, sinh năm 1977; bị cáo là con thứ 01 (Nhất) trong gia đình có 03 (Ba) anh em; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu phố E, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 2000, thường trú: thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên là bạn ở chung phòng trọ tại tổ C, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 13 giờ ngày 01/9/2020, anh Đại để xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 78G1-156.45 trong phòng trọ rồi khóa cửa để đi học. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T về đến phòng trọ thì nhìn thấy xe mô tô biển số 78G1-156.45 cắm sẵn chìa khóa, nên T lấy trộm xe và điều khiển đến tiệm cầm đồ 226, thuộc khu phố E, phường T cầm cho anh Nguyễn Hoàng T1 được 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), thỏa thuận thời hạn 01 tháng sẽ chuộc lại xe. Sau đó, T bỏ sim điện thoại, rồi đi về sinh sống tại thành phố Hải Phòng.

Đến tháng 11/2020, khi biết anh Đ tố giác hành vi của mình đến Cơ quan Công an, T gặp anh T1 để chuộc xe trả lại cho anh Đ nhưng đã quá thời hạn thỏa thuận nên anh T1 bán xe cho một người không rõ lai lịch với giá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Sau đó, ông Phạm Thế S là cha của T gặp anh Đ và bồi thường 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Đến ngày 20/9/2023, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên.

- Vật chứng vụ án:

+ Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 78G1-156.45, số khung RLCS5C6J0DY037177, số máy 5C6J0377175, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

+ 01 USB chứa video vụ trộm cắp, chuyển cùng hồ sơ vụ án.

- Kết luận định giá tài sản số 491/KL-HĐĐGTS, ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “Xe mô tô biển số 78G1-156.45 có giá trị 10.175.000 đồng (Mười triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)”.

- Về dân sự: ông Phạm Thế S là cha của bị cáo T đã bồi thường cho anh Đ 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), anh Đ đã bãi nại cho.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản đúng như nội dung Cáo trạng đã thể hiện, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Bản cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức hình phạt tù: 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại.

[3]. Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo: Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án cũng như phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/9/2020, tại tổ C, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Phạm Văn T có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 78G1-156.45 của anh Nguyễn Trọng Đ, có giá trị là 10.175.000đồng. Ngày 20/9/2023 bị cáo đến Cơ quan Công an đầu thú và bị khởi tố xử lý.

Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 743/CT-VKSBH ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có cơ sở đúng người, đúng tội.

[4]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, sau khi xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[5]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã khắc hậu quả được bị hại làm đơn bãi nại và ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm i và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T: **08 (T2) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Ủy ban nhân dân phường (xã) của bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công